

Bản án số: 22/2024/KDTM-PT

Ngày: 28/6/2024

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Hồng Dung

- *Các thẩm phán:* Bà Hồ Thị Tuyết Phương

Bà Hà Thị Phương Thanh

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Lê Văn Ban – Thư ký tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Bảo Trân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 28 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 47/2023/TLPT-KDTM ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXPT-KDTM ngày 10 tháng 5 năm 2024.

Do Bản án số 04/2023/KDTM.ST ngày 28/3/2023 của TAND quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xử sơ thẩm có kháng cáo, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP P**

Trụ sở: 41- D L, P. B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số A - A Tầng A và 2 Tòa nhà Hòa Bình B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trịnh Văn T** – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*Người đại diện theo ủy quyền:*

+ Bà **Trần Hồng N**, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

+ Ông **Liêu Thái H**, sinh năm 1979 (Có mặt)

+ Ông **Trần Nguyễn**, sinh năm 1988 (Có mặt)

(Giấy ủy quyền số 38/2017/GUQ ngày 27/11/2017 – BL253)

Địa chỉ: A - A Hòa Bình, phường A, quận N, Tp ..

\* Bị đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn T3.**

Địa chỉ: F - 61B đường V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Thái Thị Diễm T1**, sinh năm 1969 –  
Chức vụ: Giám đốc (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Minh N1**, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

2. Bà **Thái Thị Diễm T1**, sinh năm 1969 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: F đường V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Ông **Trần Thanh S**, sinh năm 1977 (vắng mặt)

ĐKTT: Số F V, P. T, quận N, TP ..

Chỗ ở: Căn nhà số A, Đường B, KDC I, phường A, quận N, thành phố  
Cần Thơ (Tiệm Sửa xe 9 Sang).

**Người kháng cáo: Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T3; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị Diễm T1 và ông Nguyễn Minh N1.**

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và Văn bản xác định yêu cầu khởi kiện ngày **10/11/2021** và quá trình giải quyết vụ án OCB trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng số 040.10.00121 ngày 02/4/2010 và Phụ lục 01-040.10.00121 ngày 17/8/2010, Phụ lục số 02-040.10.00121 ngày 21/4/2011; Hợp đồng thế chấp số 040.10.00121/HĐTC (11, 12, 13, 14, 22, 24, 26, 32, 35, 38, 42) Công ty T3 vay của O số tiền vay: 12.000.000.000 đồng.

Thời hạn vay: 24 tháng, ngày nhận nợ đầu tiên: 02/4/2010, hạn trả: 02/4/2012.

Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh.

Phương thức trả nợ: Trả gốc: Khi đến hạn theo từng kế ước nhận nợ.

Lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế.

Lãi suất: Áp dụng theo từng giấy nhận nợ.

Quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Cụ thể, Công ty T3 còn nợ các khoản sau:

**1. Giấy nhận nợ số: 43/2011-OCB/KUNN-DN (LD1123600044) ngày 24/8/2011, số tiền vay 1.100.000.000 đồng.**

Lãi suất vay: 1,90%/tháng trong 01 tháng đầu. Từ tháng thứ 02 trở đi áp dụng lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân 06 tháng (trả lãi cuối kỳ) do OCB công bố tại thời điểm tính lãi + 0,71%/tháng và được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng P theo từng thời kỳ;

**2. Giấy nhận nợ số: 44/2011-OCB/KUNN-DN (LD1125200156) ngày 09/9/2011, số tiền vay 2.400.000.000 đồng.**

Lãi suất vay: 1,90%/tháng (22,8%/năm) trong 03 tháng đầu. Từ tháng thứ 04 trở đi áp dụng lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 06 tháng (trả lãi cuối kỳ) do OCB công bố + biên độ tối thiểu 8,8%/năm. Áp dụng lãi suất cho vay thả nổi điều chỉnh lãi suất định kỳ 03/lần. Kỳ điều chỉnh lãi suất cơ bản, lãi biên và/hoặc phương thức xác định lãi suất cho vay tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của O tại từng thời kỳ, nhưng không được thấp hơn lãi suất cho vay theo khế ước nhận nợ số 44 đã ký.

**3. Giấy nhận nợ số: 45/2011-OCB/KUNN-DN (LD1127300214) ngày 30/9/2011, số tiền vay 2.000.000.000 đồng.**

Lãi suất vay: 1,90%/tháng (22,8%/năm). Kỳ điều chỉnh lãi suất cơ bản, lãi biên và/hoặc phương thức xác định lãi suất cho vay tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của O tại từng thời kỳ, nhưng không được thấp hơn lãi suất cho vay theo khế ước nhận nợ số 45 đã ký.

**4. Giấy nhận nợ số: 46/2011-OCB/KUNN-DN (LD1127300215) ngày 30/9/2011, số tiền vay 1.170.000.000 đồng.**

Lãi suất vay: 1,90%/tháng (22,8%/năm). Kỳ điều chỉnh lãi suất cơ bản, lãi biên và/hoặc phương thức xác định lãi suất cho vay tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của O tại từng thời kỳ, nhưng không được thấp hơn lãi suất cho vay theo khế ước nhận nợ số 46 đã ký.

**5. Giấy nhận nợ: 47/2011-OCB/KUNN-DN (LD1133400198) ngày 31/11/2011, số tiền vay 2.080.000.000 đồng.**

Lãi suất vay: 22%/tháng trong 03 tháng đầu. Từ tháng thứ 4 trở đi áp dụng lãi suất tiết kiệm 06 tháng trả lãi cuối kỳ do OCB công bố + biên độ tối thiểu 8%/năm. Áp dụng lãi suất cho vay thả nổi điều chỉnh lãi suất định kỳ 03 tháng/lần. Và được điều chỉnh lãi suất theo quy định của O từng thời điểm.

**Tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay trên gồm:**

- *Tài sản thứ 1:* Quyền sử dụng đất tọa lạc Khu dân cư I, phường A, quận

N, thành phố Cần Thơ, diện tích 148.50m<sup>2</sup> (ODT), thửa 361, tờ bản đồ số 42.

Tài sản trên đất: Nhà cấp 3, 01 trệt (gác ván). Diện tích xây dựng: 148.5 m<sup>2</sup>, diện tích sử dụng: 307,8 m<sup>2</sup> - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số AO 208515 do UBND quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 02/3/2009, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số H03022 cho ông Nguyễn Minh N1, bà Thái Thị Diễm T1 đứng tên (thế chấp bảo lãnh cho Công ty T3 vay vốn);

- *Tài sản thứ 2*: Xe ô tô biển số 65K-9379, nhãn hiệu BMW, số máy: 43799N62B4SB, số khung: 13456CN79270 - Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0004068 do Công an thành phố C cấp ngày 20/12/2007 cho ông Nguyễn Minh N1, bà Thái Thị Diễm T1 đứng tên (thế chấp bảo lãnh cho Công ty T3 vay vốn);

- *Tài sản thứ 3*: 21 xe mô tô.

1. Xe SH, khung: \*ZDCKF10BOAF035928\*, số máy: KF08E\*1037509\*KTGE1 – tờ khai và phiếu KTCLXX 069205;

2. Xe SH, số khung: \*ZDCKF10BOAF035852\*, số máy: KF08E\*1037852\*KTGE1 – tờ khai và phiếu KTCLXX 083584;

3. Xe SH, số khung: \*ZDCKF10BOAF066251\*, số máy: KF08E\*1067495\*KTGE1 – tờ khai và phiếu KTCLXX 136007;

4. Xe SH, số khung: \*ZDCKF10BOAF102643\*, số máy: KF08E\*1073795\*KTGE1 – tờ khai và phiếu KTCLXX 169125;

5. Xe SH, số khung: \*ZDCKF10BOAF103124\*, số máy: KF08E\*1073788\*KTGE1 – tờ khai và phiếu KTCLXX 166524;

6. Xe Piaggio Vespa LX, số máy: M681M\*512736\*, số khung: \*ZAPM6810000011281\* — tờ khai và phiếu KTCLXX 077367;

7. Xe Piaggio Vespa LX, số máy: M682M\*503889\*, số khung: \*ZAPM682000004525\* – tờ khai và phiếu KTCLXX 125234;

8. Xe Piaggio Vespa LX, số máy: M682M\*502964\*, số khung: \*ZAPM682000003630\* – tờ khai và phiếu KTCLXX 126009;

9. Xe Piaggio Vespa LX, số máy: M681M 3002507\*, số khung: \*ZAPM6810000023733\* – tờ khai và phiếu KTCLXX 130841;

10. Xe Piaggio Vespa LX, số máy: M682M\*504126\*, số khung: \*ZAPM682000004396\* – tờ khai và phiếu KTCLXX 141491;

11. Xe Piaggio Vespa LX, số máy: M682M\*505284\*, số khung: \*ZAPM682000004751\* — tờ khai và phiếu KTCLXX 141518;

12. Xe Piaggio Vespa LX, số máy: M682M\*505635\*, số khung \*ZAPM682000006399\* – tờ khai và phiếu KTCLXX 141526;
13. Xe Piaggio Vespa LX, số máy: M681M\*3002106\*, số khung \*ZAPM6810000023168\* – tờ khai và phiếu KTCLXX 144451;
14. Xe Piaggio Vespa LX, số máy: M661M\*38368\*, số khung: \*RP8M66100AV035592\* – tờ khai và phiếu KTCLXX 041908;
15. Xe Airblade, số khung: NC110AP-0078357, số máy: NC110APE-0078357 - tờ khai và phiếu KTCLXX 114491;
16. Xe Airblade, số khung: NC110AP-0079920, số máy: NC110APE-0079920 - tờ khai và phiếu KTCLXX 114851;
17. Xe Airblade, số khung: NC110AP-0078393, số máy: NC110APE-0078393 - tờ khai và phiếu KTCLXX 114493;
18. Xe Airblade, số khung: NC110AP-0088060, số máy: NC110APE-0088060- tờ khai và phiếu KTCLXX 150355;
19. Xe Airblade, số khung: NC110AP-0087695, số máy: NC110APE-0087695- tờ khai và phiếu KTCLXX 152418;
20. Xe Honda PCX, số khung: \*NC125D-0032087, số máy: NC125D-0032087- tờ khai và phiếu KTCLXX 139354;
21. Xe Honda PCX, số khung: \*NC125D-0030947, số máy: NC125D-0030947- tờ khai và phiếu KTCLXX 139659.

Số tiền phải thanh toán tính đến ngày 03/3/2023 đối với Hợp đồng tín dụng 040.10.00121 ngày 02/4/2010 và Phụ lục 01-040.10.00121 ngày 17/8/2010, Phụ lục số 02.040.10.00121 ngày 17/8/2022 là 37.104.138.584 đồng (Gốc 7.306.500.000 đồng, lãi 129.797.638.584 đồng).

Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, nợ lãi được quy định trong các Hợp đồng tín dụng và Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở tạo điều kiện để Công ty T3 trả nợ. Nhưng cho đến nay Công ty T3 vẫn trốn tránh nghĩa vụ trả nợ và vi phạm Hợp đồng tín dụng đã ký.

Tại Bản án Kinh doanh thương mại số 05/2019/KDTMPT ngày 28/5/2019, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ hủy Bản án Kinh doanh thương mại số 21/2018/KDTMPT ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ để xét xử lại sơ thẩm.

*\* Nay OCB xác định lại nội dung yêu cầu khởi kiện yêu cầu như sau:*

1. Buộc Công ty T3 phải trả số nợ tạm tính đến ngày 03/3/2023 là 37.104.138.584 đồng (Gốc 7.306.500.000 đồng, lãi 29.797.638.584 đồng);

2. Trường hợp Công ty T3 không trả nợ, thì OCB được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của Công ty T3 và bên bảo lãnh là ông Nguyễn Minh N1, bà Thái Thị Diễm T1 để thu hồi nợ.

Tài sản thế chấp gồm:

*Tài sản thứ 1:* QSD đất tọa lạc Khu dân cư I, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, diện tích 148.50 m<sup>2</sup> (đất ODT), thửa 361, tờ bản đồ số 42.

Tài sản trên đất: Nhà cấp 3, 01 trệt (gác ván). Diện tích xây dựng: 148.5m<sup>2</sup>, diện tích sử dụng: 307,8m<sup>2</sup> - theo Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở số AO 208515 do UBND quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 02/3/2009, vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số H03022 cho ông Nguyễn Minh N1, bà Thái Thị Diễm T1 đứng tên.

*Tài sản thứ 2:* Xe ô tô biển số 65K-9379, nhãn hiệu BMW, số máy: 43799N62B4SB, số khung: 13456CN79270 - Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0004068 do Công an thành phố C cấp ngày 20/12/2007 cho ông Nguyễn Minh N1, bà Thái Thị Diễm T1 đứng tên.

*Tài sản thứ 3:* Riêng các tài sản đảm bảo là xe mô tô hiện nay Ngân hàng không xác định được người trực tiếp quản lý và sử dụng, nên việc xử lý đối với các xe này để thu hồi nợ vay của Công ty T3 sẽ thực hiện ở giai đoạn thi hành án.

*\* Theo Tờ tường trình ngày 19/3/2016, bà Thái Thị Diễm T1 – đại diện cho Công ty T3 trình bày:*

Vào khoảng tháng 4/2010 đến tháng 4/2011, Công ty T3 được Ngân hàng P – Chi nhánh T4 cấp hạn mức cho vay 12 tỷ đồng.

1. Tài sản bảo đảm là thửa đất số 361, tờ bản đồ số 42 (tọa lạc Khu dân cư I, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ), giá trị Ngân hàng định giá tại thời điểm theo Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 040.10.121 (13) ngày 05/01/2011 là 3.578.000.000 đồng. Ngân hàng cho Công ty vay 2.450.000.000 đồng (vay theo Hợp đồng tín dụng số 040.10.121 (13) ngày 05/01/2011).

2. Xe ô tô 4 chỗ ngồi hiệu BMW 650i biển số 65K-9379 – theo Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 040.10.60121 (26) ngày 21/4/2011, Ngân hàng Đ là 4.050.000.000 đồng và cho Công ty vay 2.000.000.000 đồng.

3. Ngân hàng cho Công ty thế chấp hồ sơ chứng từ hải quan của các loại xe mô tô nhập khẩu hiệu SH, PCX, PIAGO, AIRBLADE mà Công ty nhập về để bán.

Theo hợp đồng vay vốn hạn mức tín dụng của Ngân hàng cấp, thì Công ty T3 được sử dụng linh hoạt cho việc kinh doanh. Khi Công ty nhập xe về bán (bao gồm xe và bộ chứng từ hải quan), thì Ngân hàng cho thế chấp bộ chứng từ xe vay tiền.

Riêng xe thì được giữ tại Công ty T5 bán cho khách hàng và khi Công ty bán được xe nào thì Công ty sẽ nộp tiền cho Ngân hàng tương ứng với giá trị thế chấp của xe đó, Ngân hàng sẽ cho Công ty lấy bộ chứng từ hải quan của xe đó ra để Công ty giao cho khách hàng đã mua xe để khách hàng đóng trước bạ xe và đăng ký xe theo quy định.

Quá trình vay vốn, Công ty T3 luôn hoàn thành tốt nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi (có chứng kèm theo từ 2010 - 2011) và được Ngân hàng hỗ trợ rất thuận lợi.

Tuy nhiên, khoảng giữa năm 2011, do tình hình kinh tế khó khăn, lãi suất Ngân hàng tăng cao ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, làm ăn thua lỗ. Công ty cố gắng xoay sở và thanh toán nợ cho Ngân hàng chỉ còn 7 tỷ đồng, thời điểm đó lãi suất là 22,80%, lãi suất quá hạn là 150%.

Thể hiện Công ty T3 luôn có thiện chí trả nợ, chứ không phải như Ngân hàng trình bày là Công ty không có thiện chí trả nợ và kéo dài thời gian trả nợ.

Do Công ty đã gặp khó khăn trong kinh doanh, nên việc đóng lãi có trễ hạn, Ngân hàng lại gây khó khăn, tạo sức ép với Công ty và không thực hiện phương thức cho Công ty trả tiền lấy hải quan xe mà khách hàng đã mua để đăng ký sử dụng như từ trước đến nay mà Công ty và Ngân hàng đã làm. Ngân hàng không cho Công ty trả nợ lấy những bộ chứng từ hải quan xe Công ty đang thế chấp để giao cho khách hàng, nên Công ty không giảm được nợ gốc và tiền lãi thì phát sinh. Công ty thế chấp cho từng hợp đồng, chứ không phải chung 01 hợp đồng mà thế chấp hết tất cả tài sản, Ngân hàng không cho Công ty trả tất nợ từng hợp đồng để giảm nợ gốc và lãi.

Công ty T3 đã nhiều lần mong muốn gặp Tổng Giám đốc Ngân hàng và gửi đơn xin Ngân hàng giải quyết nhanh cho Công ty lấy giấy tờ hải quan để giao cho khách hàng nhưng không được xem xét giải quyết.

Lẽ ra Ngân hàng phải tạo mọi điều kiện thuận lợi, giúp đỡ Công ty được trả nợ dần để giảm bớt nợ và lãi phát sinh và nhanh chóng giao trả chứng từ hải quan xe để Công ty giao cho khách hàng, nhưng Ngân hàng không làm như vậy mà ban hành Công văn số 0052/2013/VN-BKHDN ngày 19/01/2013 buộc Công ty phải tất toán nợ một lần thì làm sao Công ty trả được khi đang gặp nhiều khó khăn.

Sau khi nhận được Công văn số 0052/2013, Công ty có đơn phản hồi ngày 07/02/2013, với mong muốn là được Ngân hàng hỗ trợ giúp đỡ cho Công ty

được tháo gỡ khó khăn và trả nợ dần, nhưng hoàn toàn không được Ngân hàng xem xét.

Ngân hàng không có thiện chí hợp tác và hỗ trợ, tự ý thay đổi phương thức tài trợ vốn của hợp đồng vay nhưng không thông báo cho Công ty biết, làm cho Công ty rơi vào tình cảnh vô cùng khó khăn, mất hết uy tín, mất hết khách hàng.

Ngân hàng đã làm thiệt hại về mặt tài chính đối với Công ty đến thời điểm hiện tại là rất lớn, đẩy Công ty đến bờ vực phá sản và hiện nay Công ty đã ngừng hoạt động, nguyên nhân là do lỗi Ngân hàng gây ra.

Công ty T3 yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

1. Yêu cầu Ngân hàng trả lại sự công bằng và danh dự, uy tín cho Công ty T3.
2. Yêu cầu Ngân hàng bồi thường những tổn thất về tài chính lẫn tinh thần cho Công ty T3 mà từ trước tới nay Ngân hàng gây ra.
3. Yêu cầu Ngân hàng tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Công ty T3 được trả dần số nợ gốc cho đến khi hết nợ và nhận lại tài sản thế chấp.
4. Yêu cầu được trả nợ gốc từng hồ sơ hải quan xe, trả nợ gốc hải quan xe nào thì cho Công ty lấy hải quan xe đó ra để giao hồ sơ cho khách hàng.

***Tại phiên tòa sơ thẩm;***

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ tạm tính đến ngày 24/3/2023 là 35.734.979.229 đồng (Gốc 7.306.500.000 đồng, lãi 28.428.479.229 đồng - gồm lãi trong hạn 397.308.824 đồng, lãi quá hạn 28.031.170.405 đồng) và rút lại phần lãi chậm trả là 1.528.806.738 đồng. Trường hợp Bị đơn không trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là QSD đất và căn nhà trên đất (theo Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở số AO 208515 do UBND quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 02/3/2009, vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số H03022 cho ông Nguyễn Minh N1, bà Thái Thị Diễm T1 đứng tên) để thu hồi nợ. Bị đơn còn phải chịu lãi suất phát sinh tính từ ngày 25/3/2023 cho đến khi tất nợ.

Riêng xe ô tô và mô tô hiện nay Ngân hàng không xác định được người trực tiếp quản lý và sử dụng, nên việc xử lý các xe để thu hồi nợ sẽ thực hiện ở giai đoạn thi hành án.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

**Tại Bản án số 04/2023/KDTM.ST ngày 28/3/2023 của TAND quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T3 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền tạm tính đến ngày 24/3/2023 là 35.734.979.229 đồng (Gốc 7.306.500.000 đồng, lãi (trong hạn, quá hạn) là 28.428.479.229 đồng). Bị đơn còn phải chịu lãi suất phát sinh tính từ ngày 25/3/2023 cho đến khi tất nợ.

Trường hợp không trả nợ thì sẽ phát mãi tài sản thế chấp là QSD đất diện tích 148.50m<sup>2</sup> (đất ODT), thửa 361, tờ bản đồ số 42 và căn nhà cấp 3, 01 trệt (gác ván), diện tích xây dựng: 148.5m<sup>2</sup>, diện tích sử dụng: 307,8m<sup>2</sup> – nhà, đất tọa lạc khu dân cư I, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ để thu hồi nợ (theo Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở số AO 208515, vào sổ số H03022 do UBND quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 02/3/2009).

Đối với xe ô tô và mô tô: Hiện nay Ngân hàng không xác định được người trực tiếp quản lý và sử dụng, nên yêu cầu việc xử lý các xe để thu hồi nợ sẽ thực hiện ở giai đoạn thi hành án, nên ghi nhận.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo qui định.

Ngày 25/5/2023 Bị đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại do xét xử vắng mặt không đúng qui định. Yêu cầu Ngân hàng bồi thường thiệt hại về vật chất lẫn tinh thần do lỗi không hợp tác tạo điều kiện cho Cty tất toán từng Hợp đồng vay để trả nợ.

Ngày 25/5/2023 bà Diễm T1 và ông N1 có đơn kháng cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại do xét xử vắng mặt không đúng qui định. Yêu cầu Ngân hàng bồi thường thiệt hại về vật chất lẫn tinh thần do lỗi không hợp tác tạo điều kiện cho Công ty trả nợ.

Tại Quyết định số 17/2023/QĐPT ngày 14/9/2023 của TAND thành phố Cần Thơ đã chấp nhận đơn kháng cáo quá hạn của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của ông Nguyễn Minh N1, bà Thái Thị Diễm T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông N1 vắng mặt, bà Diễm T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Quan điểm của Kiểm sát viên:*

- Về tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo qui định.

- Về nội dung, Công ty T3 và O ký Hợp đồng tín dụng số 040.10.00121 ngày 02/4/2010 và các Phụ lục hợp đồng để vay 12 tỷ đồng.

Ngân hàng đã giải chấp khoản vay 8.750.000.000 đồng, bị đơn đã trả nợ được 1.443.500.000 đồng, còn 7.306.500.000 đồng thì ngưng. Nguyên đơn đã

làm việc, nhắc nhở nhưng bị đơn không trả nợ. Tạm tính đến ngày 24/3/2023, số nợ là 35.734.979.229 đồng (Gốc 7.306.500.000 đồng, lãi trong hạn và quá hạn là 28.428.479.229 đồng).

Về phần lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu và rút lại phần lãi chậm trả là có cơ sở. Bị đơn phải trả số nợ trên và chịu lãi suất phát sinh tính từ ngày 25/3/2023 cho đến khi tất nợ. Trường hợp không trả nợ, thì phát mãi tài sản thế chấp là QSD đất và căn nhà trên đất để thu hồi nợ. Trên cơ sở đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Riêng xe ô tô và mô tô hiện nay Ngân hàng không xác định được người trực tiếp quản lý và sử dụng, nên việc xử lý các xe để thu hồi nợ sẽ thực hiện ở giai đoạn Thi hành án như yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn và người liên quan kháng cáo không cung cấp thêm chứng cứ mới nào khác nên không có cơ sở để xem xét. Đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

*Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên;*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:*

Căn cứ đơn khởi kiện Ngân hàng yêu cầu Công ty T3 trả nợ theo hợp đồng tín dụng và phát mãi các tài sản theo Hợp đồng thế chấp, do Trụ sở Công ty T3 đặt tại quận N, thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND quận Ninh Kiều; đây là tranh chấp Hợp đồng tín dụng, giữa pháp nhân với pháp nhân vì mục đích lợi nhuận được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*[2]. Về tố tụng:* Bị đơn và người liên quan được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt các đương sự là đúng qui định.

*[3]. Về yêu cầu kháng cáo của Công ty và bà Thái Thị Diễm T1, ông Nguyễn Minh N1 đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại do xét xử vắng mặt không đúng qui định. Yêu cầu Ngân hàng bồi thường thiệt hại về vật chất lẫn tinh thần do lỗi không hợp tác tạo điều kiện cho Công ty trả nợ.*

Xét thấy, từ khi thụ lý đến khi xét xử cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng để tiến hành xét xử vắng mặt đối với Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng qui định.

Đối với yêu cầu Bồi thường thiệt hại về vật chất lẫn tinh thần do lỗi không hợp tác của Ngân hàng thì bà Diễm T1 và ông N1 chưa đưa ra căn cứ và yêu cầu

cụ thể để chứng minh nên chưa có cơ sở để xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Diễm T1 thừa nhận số tiền vốn còn nợ Ngân hàng là 7.306.500.000 đồng, nhưng cho rằng Ngân hàng không hợp tác và không tạo điều kiện cho Công ty trả nợ, do Ngân hàng có lỗi nên chỉ đồng ý trả vốn, không đồng ý trả lãi. Do vậy khi xem xét yêu cầu này đồng nghĩa với việc xem xét Hợp đồng tín dụng số 040.10.00121 ngày 02/4/2010 và Phụ lục 01-040.10.00121 ngày 17/8/2010 và Phụ lục số 02 - 040.10.00121 ngày 21/4/2011.

*[4]. Về nội dung vụ án:*

*[4.1]. Về Hợp đồng tín dụng:*

O chi nhánh T4 (nay là Chi nhánh C) và Công ty T3 có ký Hợp đồng tín dụng số 040.10.00121 ngày 02/4/2010 và Phụ lục số 01-040.10.00121 ngày 17/8/2010 và Phụ lục số 02 - 040.10.00121 ngày 21/4/2011.

Để đảm bảo khoản vay, phía Bị đơn đã ký Hợp đồng thế chấp số 040.10.00121/HĐTC (11, 12, 14, 22, 24, 26, 32, 35, 38, 42) xe ô tô, xe mô tô và Hợp đồng thế chấp QSD đất, tài sản trên đất số 040.10.00.121/HĐTC (13) ngày 05/01/2011. OCB đã giải chấp 8.750.000.000 đồng, quá trình vay Công ty đã thanh toán được 1.443.500.000 đồng, còn nợ 7.306.500.000 đồng. Sau đó, Công ty gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh, nên ngưng trả nợ từ tháng 12/2011.

Công ty đã làm việc, giải trình, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn và xin trả nợ dần từng xe bán được, đồng thời xin giải tỏa hồ sơ để giao khách hàng nhưng không được OCB chấp thuận (cụ thể tại Biên bản làm việc ngày 18/3/2022 – BL:560, Đơn phản hồi ngày 07/02/2013 phúc đáp Công văn số 0052/2013/VN-BKHDN ngày 19/01/2013 của O ...). Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Ngân hàng cho rằng căn cứ Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 040.10.00.121/HĐTC (13) ngày 05/01/2011 là thế chấp chung cho toàn bộ nghĩa vụ và do Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ, hơn nữa Hợp đồng tín dụng đã hết hạn nên Hội sở không cho phép được xem xét việc tất toán nợ của từng tài sản thế chấp, vì vậy Ngân hàng không tiếp tục thực hiện việc này như lúc ban đầu còn trong thời hạn của Hợp đồng tín dụng. Như vậy không thể cho rằng đây là lỗi của Ngân hàng.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng có bảng chiết tính tạm tính đến ngày 24/3/2023, bị đơn còn nợ OCB tổng số tiền 35.734.979.229 đồng (Gốc 7.306.500.000 đồng, lãi trong hạn là 397.308.824 đồng và quá hạn là 28.031.170.405 đồng). Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Bị đơn trả nợ là có cơ sở được chấp nhận.

Tuy nhiên, Tại phiên tòa người đại diện ủy quyền Ngân hàng không đồng ý miễn giảm lãi mà cho rằng tại giai đoạn Thi hành án khi Bị đơn thực hiện

nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng sẽ xem xét trên cơ sở phù hợp... “Tổ chức tín dụng có quyền quyết định miễn, giảm lãi suất, phí cho khách hàng theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng”. Nên trong phạm vi quyền hạn của mình, OCB có quyền xem xét giảm lãi và tạo điều kiện cho nguyên đơn được thanh toán nợ gốc, lãi theo qui định.

*[4.2]. Về tài sản thế chấp:*

- Quyền sử dụng đất và nhà trên đất.

Theo Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 040.10.00.121/HĐTC (13) ngày 05/01/2011, tại Điều 3 quy định: “...các nghĩa vụ được bảo đảm là các nghĩa vụ của bên thế chấp hoặc bên vay với OCB bao gồm cả các nghĩa vụ phát sinh trước và sau thời điểm ký hợp đồng này...”.

Tài sản trên do ông Nguyễn Minh N1, bà Thái Thị Diễm T1 đứng tên chủ quyền - theo Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở số AO 208515, vào sổ số H03022 do UBND quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 02/3/2009.

Trường hợp Bị đơn không trả nợ, thì sẽ phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho OCB. Ngoài ra, Bị đơn còn phải chịu lãi suất phát sinh tính từ ngày 25/3/2023 cho đến khi thanh toán xong số nợ.

- Xe ô tô và mô tô.

Hiện tại Ngân hàng không xác định được người trực tiếp quản lý và sử dụng, nên chưa yêu cầu việc xử lý các xe để thu hồi nợ, khi có đủ cơ sở sẽ thực hiện ở giai đoạn thi hành án, vì vậy cần ghi nhận đối với việc này.

Từ những phân tích trên cho thấy, tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không cung cấp thêm chứng cứ mới nào khác, nên không có cơ sở để xem xét kháng cáo của ông N1, bà T1. Mặt khác nhận định Bản án sơ thẩm chưa được chặt chẽ nên cần rút kinh nghiệm, tuy nhiên quyết định Bản án là có căn cứ được giữ nguyên.

Mặt khác, bà Diễm T1 thừa nhận cho bà Nguyễn Thị T2 thuê nhà 91B, An Khánh không có lập hợp đồng mà chỉ thỏa thuận miệng giữa hai bên, nên Tòa sơ thẩm không đưa bà T2 vào tham gia tố tụng tuy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nhưng cũng cần rút kinh nghiệm.

*[5]. Về án phí KDTM sơ thẩm:* Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Bị đơn phải chịu án phí (trên số nợ 35.734.979.229 đồng) là 143.734.979 đồng. Nguyên đơn được nhận lại 60.850.000 đồng (theo Biên lai thu số 002048 ngày 10/7/2014).

[6]. *Về chi phí thẩm định tại chỗ*: Nguyên đơn đã nộp 5.000.000 đồng, đã chi phí hết 3.400.000 đồng. Bị đơn phải nộp số tiền 3.400.000 đồng để hoàn trả nguyên đơn. Hoàn trả lại 1.600.000 đồng, Nguyên đơn đã nhận lại xong.

[7]. *Về án phí KDTM phúc thẩm*: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty trách nhiệm hữu hạn T3 và bà Thái Thị Diễm T1, ông Nguyễn Minh N1 phải nộp theo qui định.

[8]. *Quan điểm của Viện kiểm sát*: Nhận xét và đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** - Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

#### **Tuyên xử:**

- Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo trễ hạn của ông Nguyễn Minh N1, bà Thái Thị Diễm T1.

- Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Minh N1, bà Thái Thị Diễm T1.

#### **Giữ nguyên Bản án sơ thẩm;**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T3 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền tạm tính đến ngày 24/3/2023 là 35.734.979.229 đồng (ba mươi lăm tỉ, bảy trăm ba mươi bốn triệu, chín trăm bảy mươi chín nghìn, hai trăm hai mươi chín đồng). Trong đó: tiền gốc là 7.306.500.000 đồng, lãi trong hạn là 397.308.824 đồng, lãi quá hạn là 28.031.170.405 đồng). Bị đơn còn phải chịu lãi suất phát sinh tính từ ngày 25/3/2023 cho đến khi tất nợ.

Trường hợp không trả nợ thì sẽ phát mãi tài sản thế chấp là QSD đất diện tích 148.50m<sup>2</sup> (đất ODT), thửa 361, tờ bản đồ số 42 và căn nhà cấp 3, 01 trệt (gác ván), diện tích xây dựng: 148.5m<sup>2</sup>, diện tích sử dụng: 307,8m<sup>2</sup> – nhà, đất tọa lạc khu dân cư I, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ để thu hồi nợ (theo Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở số AO 208515, vào sổ số H03022 do UBND quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 02/3/2009).

Đối với xe ô tô và mô tô: Hiện nay Ngân hàng không xác định được người trực tiếp quản lý và sử dụng, nên chưa yêu cầu việc xử lý các xe để thu hồi nợ sẽ thực hiện ở giai đoạn thi hành án, nên ghi nhận.

*Về án phí KDTM sơ thẩm:* Bị đơn phải nộp 143.734.979 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi bốn nghìn, chín trăm bảy mươi chín đồng). Nguyên đơn được nhận lại 60.850.000 đồng (sáu mươi triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) - theo Biên lai thu số 002048 ngày 10/7/2014.

*Về chi phí thẩm định tại chỗ:* Nguyên đơn đã nộp 5.000.000 đồng, đã chi phí hết 3.400.000 đồng. Bị đơn phải nộp số tiền 3.400.000 đồng để hoàn trả nguyên đơn. Hoàn trả lại 1.600.000 đồng Nguyên đơn đã nhận lại xong.

*Về án phí KDTM phúc thẩm:* Công ty trách nhiệm hữu hạn T3 phải nộp 2.000.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng tại Biên lai thu số 0000414 ngày 06/11/2023 của Chi cục THA dân sự quận N thành án phí (nộp xong). Ông Nguyễn Minh N1, bà Thái Thị Diễm T1 phải nộp 2.000.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng tại Biên lai thu số 0000415 ngày 06/11/2023 của Chi cục THA dân sự quận N thành án phí (nộp xong).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 28/6/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- TAND Q.Ninh Kiều;
- Chi Cục THADS Q.Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ.

**Phan Thị Hồng Dung**